



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 02 Truong Son St., Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang: 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 15-13 Vo Nguyen Giap St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 0151/2017/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÍ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN MAY SÀI GÒN 3**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần May Sài Gòn 3 (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 25 tháng 02 năm 2017, từ trang 05 đến trang 41, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần may Sài Gòn 3 tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN
A & C

Bùi Văn Khá - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0085-2013-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 3 năm 2017

Võ Thành Công - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1033-2013-008-1



CÔNG CỐ PHẦN MÂY SÀI GÒN 3

Địa chỉ: 40/32 Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.212.488.313.261	1.108.041.516.401
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	868.295.568.827	780.566.623.015
1. Tiền	111		844.785.568.827	780.566.623.015
2. Các khoản tương đương tiền	112		23.510.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		27.893.703.815	29.290.226.815
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	36.454.343.321	35.297.993.321
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V.2a	(8.560.639.506)	(6.007.766.506)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		215.551.880.352	157.425.722.604
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	141.094.951.014	160.337.582.363
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	1.451.234.386	655.565.052
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	72.000.000.000	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	10.769.931.371	2.575.672.017
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(9.764.236.419)	(6.143.096.828)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		85.554.610.954	116.428.066.656
1. Hàng tồn kho	141	V.8	85.554.610.954	116.428.066.656
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		15.192.549.313	24.330.877.311
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		15.192.549.313	24.330.877.311
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG CỐ PHẦN MAY SÀI GÒN 3

Địa chỉ: 40/32 Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		108.779.718.883	127.399.024.101
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		108.140.003	354.140.003
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	108.140.003	354.140.003
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		35.065.122.640	35.938.112.057
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	25.899.362.612	26.110.497.957
- Nguyên giá	222		147.673.602.593	145.414.338.755
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(121.774.239.981)	(119.303.840.798)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	9.165.760.028	9.827.614.100
- Nguyên giá	228		20.037.123.151	20.037.123.151
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(10.871.363.123)	(10.209.509.051)
III. Bất động sản đầu tư	230	V.12	6.461.646.947	6.920.365.175
- Nguyên giá	231		12.013.381.013	12.013.381.013
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(5.551.734.066)	(5.093.015.838)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		59.192.235.517	78.928.650.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2b	30.000.000.000	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	13.928.650.000	13.928.650.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.2b	20.000.000.000	65.000.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2b	(4.736.414.483)	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		7.952.573.776	5.257.756.866
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9	1.181.166.666	1.385.500.000
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.13	6.771.407.110	3.872.256.866
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.321.268.032.144	1.235.440.540.502

CÔNG CỐ PHẦN MÀY SÀI GÒN 3

Địa chỉ: 40/32 Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		667.714.149.816	671.375.932.959
I. Nợ ngắn hạn	310		649.893.869.051	654.284.954.663
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14a	405.102.268.406	481.326.402.953
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	47.612.900	553.808.181
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	25.874.745.533	20.246.233.365
4. Phải trả người lao động	314	V.17	116.524.163.581	61.651.473.975
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.18a	11.103.483.697	8.759.263.574
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19a,c	58.357.131.754	55.721.813.408
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.20	32.884.463.180	26.025.959.207
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		17.820.280.765	17.090.978.296
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.19b	912.095.765	557.432.774
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.21	16.908.185.000	16.533.545.522
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG CỔ PHẦN MAY SÀI GÒN 3

Địa chỉ: 40/32 Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		653.553.882.328	564.064.607.543
I. Vốn chủ sở hữu	410		653.553.882.328	564.064.607.543
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.22	30.000.000.000	30.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		30.000.000.000	30.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.22a	14.327.648.450	14.309.348.450
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	(991.800.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.22a	246.641.996.181	236.971.257.436
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.22	362.584.237.697	283.775.801.657
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		237.367.332.046	283.775.801.657
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		125.216.905.651	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.321.268.032.144	1.235.440.540.502

Trương Thị Hồng Nhạn
Người lập biểu

Nguyễn Thùy Trang
Kế toán trưởng



Nguyễn Quốc Việt
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 02 năm 2017

CÔNG CỔ PHẦN MAY SÀI GÒN 3

Địa chỉ: 40/32 Quốc lộ 13, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	1.739.103.907.722	1.349.757.971.065
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.739.103.907.722	1.349.757.971.065
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	1.540.328.312.915	1.145.009.485.441
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		198.775.594.807	204.748.485.624
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	108.116.227.660	39.452.089.473
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	15.562.918.064	3.677.157.176
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	39.341.872.779	47.629.171.063
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	82.925.666.422	62.771.380.678
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		169.061.365.202	130.122.866.180
11. Thu nhập khác	31	VI.7	778.081.783	1.308.136.379
12. Chi phí khác	32	VI.8	650.797.325	5.105.101.287
13. Lợi nhuận khác	40		127.284.458	(3.796.964.908)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		169.188.649.660	126.325.901.272
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.16	37.971.904.252	29.914.967.438
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	V.13	(2.899.150.244)	(296.453.613)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		134.115.895.652	96.707.387.447
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9a,c	38.744	27.717
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9b,c	38.744	27.717

Trương Thị Hồng Nhạn
Người lập biểu

Nguyễn Thùy Trang
Kế toán trưởng



TP. Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 02 năm 2017

Nguyễn Quốc Việt
Tổng Giám đốc